

**Môn : Học vần**  
**BÀI 54 : UNG - ỨNG.**

**I. Mục tiêu:** -HS hiểu được cấu tạo ung, ứng. Đọc và viết được ung, ứng, bông súng, sừng hươu. Nhận ra ung, ứng trong tiếng, từ ngữ, trong sách báo bất kì.

-Đọc được từ và câu ứng dụng :

-Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề : Rừng, thung lũng, suối, đèo.

**II. Đồ dùng dạy học:** -Tranh minh họa từ khóa.

-Tranh minh họa: Câu ứng dụng. Tranh minh họa luyện nói: Rừng, thung lũng, suối, đèo.

**III. Các hoạt động dạy học :**

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <b>KTBC</b> : Hỏi bài trước.                      Đọc sách kết hợp bảng con.                      Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <b>Bài mới</b>: GV giới thiệu tranh rút ra vần ung, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần ung. Lớp cài vần ung. GV nhận xét So sánh vần ung với ong.                      HD đánh vần vần ung.                      Có ung, muốn có tiếng súng ta làm thế nào? Cài tiếng súng.                      GV nhận xét và ghi bảng tiếng súng.                      Gọi phân tích tiếng súng.                      GV hướng dẫn đánh vần tiếng súng.                      Dùng tranh giới thiệu từ “bông súng”.                      Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng súng, đọc trơn từ bông súng. Gọi đọc sơ đồ trên bảng.                      Vần 2 : vần ứng (dạy tương tự )                      So sánh 2 vần. Đọc lại 2 cột vần.                      Gọi học sinh đọc toàn bảng.                      Nghỉ .HD viết bảng con : ung, bông súng, ứng, sừng hươu. GV nhận xét và sửa sai. Dạy từ ứng dụng.                      Cây sung, trung thu, củ gừng, vui mừng.                      Hỏi tiếng mang vần mới học trong từ :                      Cây sung, trung thu, củ gừng, vui mừng.                      Gọi đánh vần tiếng và đọc trơn từ đó.                      Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng</p> <p>3. <b>Củng cố tiết 1</b>:                      Hỏi vần mới học. Đọc bài.                      Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;"><b>Tiết 2</b></p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước.                      HS cá nhân 6 -&gt; 8 em                      N1 : rặng dừa ; N2 : phẳng lặng.                      Học sinh nhắc lại.                      HS phân tích, cá nhân 1 em                      Cài bảng cài.                      Giống nhau : kết thúc bằng ng.                      Khác nhau : ung bắt đầu bằng u.                      CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.                      Thêm âm s đứng trước vần ung và thanh sắc trên đầu vần ung.                      Toàn lớp.                      CN 1 em.                      Sờ – ung – sung – sắc – súng.                      CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.                      Tiếng súng.                        CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.                      CN 2 em                      Giống nhau : kết thúc bằng n.                      Khác nhau : u và ư đầu vần                      3 em                      1 em.                      Toàn lớp viết                        HS đánh vần, đọc trơn từ, CN 4 em                        Sung, thung, gừng, mừng.                        CN 2 em                      CN 2 em, đồng thanh</p>

<p>Luyện đọc bảng lớp                  Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn                  Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng:                  Không sơn mà đỏ                  Không gõ mà kêu                  Không khều mà <u>rụng</u>.                  (Là những gì?)                  Cho học sinh thảo luận và giải câu đố:                  Không sơn mà đỏ: ông mặt trời.                  Không gõ mà kêu: sấm sét.                  Không khều mà rụng: mưa.                  Gọi học sinh đọc.GV nhận xét và sửa sai.                  Luyện nói : Chủ đề: “Rừng, thung lũng, suối, đèo ”.                  GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề.GV treo tranh và hỏi:Trong trang vẽ gì?                  + Trong rừng thường có những gì?                  + Con thích nhất con vật gì trong rừng?                  + Con có thích được đi pic- nic ở rừng không? Vì sao?                  + Con có biết thung lũng, suối đèo ở đâu không?                  + Con hãy lên bảng chỉ vào tranh xem đâu là suối, đâu là thung lũng, đâu là đèo?Lớp mình có những ai được vào rừng, qua suối? Hãy kể cho mọi người nghe về rừng và suối?                  + Chúng ta có cần phải bảo vệ rừng không?                  + Để bảo vệ rừng chúng ta phải làm gì?                  GV giáo dục TTTcảm                  Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm                  Luyện viết vở TV (3 phút). GV thu vở 5 em để chấm. Nhận xét cách viết                  4.<u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài.Trò chơi: Tìm vần tiếp sức:Giáo viên tạo hai bảng phụ, mỗi bảng ghi 1 số câu có chứa vần on và an. Chia lớp thành 2 đội. Dùng phấn màu gạch chân tiếng có chứa vần vừa học. Trong thời gian nhất định đội nào gạch được nhiều tiếng đội đó thắng cuộc. GV nhận xét trò chơi.</p>	<p>Vần ung, ứng.                  CN 2 em                  Đại diện 2 nhóm                    CN 6 -&gt;8 em, lớp đồng thanh                    HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 4 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 7 em, đồng thanh.                    Học sinh nói dựa theo gợi ý của GV.                  Học sinh khác nhận xét.                    Cảnh núi, đồi, suối, đèo, thung lũng, rừng.                    HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em.                  Học sinh lắng nghe.                  Toàn lớp                  CN 1 em                  Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 8 học sinh lên chơi trò chơi.                  Học sinh khác nhận xét.</p>
---	--

5. Nhận xét, dẫn dò: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.

Thứ          ngày          tháng          năm 20

Môn : Tập viết

**BÀI 11: NỀN NHÀ – NHÀ IN – CÁ BIỂN –  
YÊN NGỰA – CUỘN DÂY – VƯỜN NHÃN**

**I. Mục tiêu :**

- Giúp HS nắm được nội dung bài viết, đọc được các từ: nền nhà, nhà in, cá biển, yên ngựa, cuộn dây, vườn nhãn.
- Viết đúng độ cao các con chữ.
- Biết cầm bút, tư thế ngồi viết.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Mẫu viết bài 11, vở viết, bảng ... .

**III. Các hoạt động dạy học :**

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u>: Hỏi tên bài cũ. Gọi 4 HS lên bảng viết.</p> <p>Gọi 1 tổ nộp vở để GV chấm. Nhận xét bài cũ.</p> <p>2. <u>Bài mới</u> :</p> <p>Qua mẫu viết GV giới thiệu và ghi tựa bài. GV hướng dẫn HS quan sát bài viết. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết.</p> <div style="border: 1px solid black; height: 150px; width: 100%;"></div>	<p>1HS nêu tên bài viết tuần trước, 4 HS lên bảng viết: Thợ hàn, dặn dò, khôn lớn, cơn mưa. Chấm bài tổ 3.</p> <p>HS nêu tựa bài. HS theo dõi ở bảng lớp.</p>
<p>Gọi HS đọc nội dung bài viết.</p> <p>Phân tích độ cao, khoảng cách các chữ ở bài viết.</p>	<p>nền nhà, nhà in, cá biển, yên ngựa, cuộn dây, vườn nhãn.</p> <p>HS tự phân tích. Học sinh nêu : các con chữ được viết cao 5 dòng kẻ là: h (nhà), b (biển). Các con chữ</p>

<p>HS viết bảng con. GV nhận xét sửa sai. Nêu YC số lượng viết ở vở tập viết cho học sinh thực hành. <b>3. Thực hành :</b> Cho HS viết bài vào tập. GV theo dõi nhắc nhở động viên một số em viết chậm, giúp các em hoàn thành bài viết <b>4. Củng cố :</b> Hỏi lại tên bài viết. Gọi HS đọc lại nội dung bài viết. Thu vở chấm một số em. Nhận xét tuyên dương. <b>5. Dặn dò :</b> Viết bài ở nhà, xem bài mới.</p>	<p>được viết cao 4 dòng kẻ là: d (dây). Các con chữ được viết kéo xuống dưới tất cả là 5 dòng kẻ là: g (ngựa), y (yên), còn lại các nguyên âm viết cao 2 dòng kẻ. Khoảng cách giữa các chữ bằng 1 vòng tròn khép kín. Học sinh viết 1 số từ khó.</p> <p>HS thực hành bài viết.</p> <p>HS nêu: nền nhà, nhà in, cá biển, yên ngựa, cuộn dây, vườn nhãn.</p>
--	--

Thứ            ngày            tháng            năm 20

**Môn : Học vần**  
**BÀI : ENG - IÊNG.**

- I. Mục tiêu:** -HS hiểu được cấu tạo eng, iêng  
-Đọc và viết được eng, iêng, lưỡi xẻng, trống chiêng.  
-Nhận ra eng, iêng trong tiếng, từ ngữ, trong sách báo bất kì.  
-Đọc được từ và câu ứng dụng :  
-Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Ao, hồ, giếng.

- II. Đồ dùng dạy học:** -Tranh minh hoạ từ khóa: lưỡi xẻng, trống chiêng.  
-Tranh minh hoạ: Câu ứng dụng.  
-Tranh minh hoạ luyện nói: Ao, hồ, giếng.  
-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

**III. Các hoạt động dạy học :**

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần eng, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần eng. Lớp cài vần eng. GV nhận xét So sánh vần eng với ong.</p> <p>HD đánh vần vần eng. Có eng, muốn có tiếng xẻng ta làm thế nào? Cài tiếng xẻng. GV nhận xét và ghi bảng tiếng xẻng. Gọi phân tích tiếng xẻng. GV hướng dẫn đánh vần tiếng xẻng.</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “lưỡi xẻng”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học Gọi đánh vần tiếng xẻng, đọc trơn từ lưỡi xẻng. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần iêng (dạy tương tự ) So sánh 2 vần</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -&gt; 8 em N1 : cây sung; N2 : củ gừng.</p> <p>Học sinh nhắc lại. HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. Giống nhau : kết thúc bằng ng. Khác nhau : eng bắt đầu bằng e. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm x đứng trước vần eng và thanh hỏi trên đầu vần eng. Toàn lớp. CN 1 em. Xờ – eng – xeng – hỏi – xẻng. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.</p> <p>Tiếng xẻng. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng ng.</p>

<p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>HD viết bảng con : eng, lưỡi xẻng, iêng, trống chiêng. GV nhận xét và sửa sai.</p> <p><u>Đọc từ ứng dụng.</u> Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Cái xẻng, xà beng, củ riềng, bay liêng. Hỏi tiếng mang vần mới học trong từ : Cái kêng, xà beng, củ riềng, bay liêng. Gọi đánh vần tiếng và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng.</p> <p><b>3.Củng cố tiết 1:</b> Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;"><b><u>Tiết 2</u></b></p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn Luyện câu : GT tranh rút câu ghi bảng: Bức tranh minh hoạ điều gì? Vấn kiên trì vững vàng dù ai có nói gì đi nữa, đó chính là câu nói ứng dụng trong bài: Dù ai nói ngã nói nghiêng Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân. Gọi học sinh đọc.</p> <p>GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói</u> : Chủ đề: “Ao, hồ, giếng”. GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề. GV treo tranh và hỏi: + Trong trang vẽ gì?  + Chỉ xem đâu là ao, đâu là giếng? + Ao thường để làm gì? + Giếng thường để làm gì? + Nơi con ở có ao hồ giếng không?</p>	<p>Khác nhau : iêng bắt đầu nguyên âm iê. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết</p> <p>HS đánh vần, đọc trơn từ, CN 4 em Kêng, beng, riềng, liêng. CN 2 em CN 2 em, đồng thanh Vần eng, iêng. CN 2 em Đại diện 2 nhóm  CN 6 -&gt;8 em, lớp đồng thanh</p> <p>Ba bạn rủ rê một bạn đang học bài đi chơi đá bóng, đá cầu, nhưng bạn này nhất quyết không đi và kiên trì ngồi học. Cuối cùng bạn ấy đạt điểm 10 còn 3 bạn kia bị điểm kém. HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 4 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 7 em, đồng thanh.</p> <p>Học sinh nói dựa theo gợi ý của GV. Học sinh khác nhận xét.</p> <p>Cảnh ao hồ, có người cho cá ăn, cảnh giếng có người múc nước. Học sinh chỉ và nêu theo tranh. Nuôi tôm, cá, lấy nước để rửa...</p>
---	---

<p>+ Ao hồ giếng có đặc điểm gì giống và khác nhau?</p> <p>+ Nơi con ở các nhà thường lấy nước ở đâu?</p> <p>+ Theo con lấy nước để ăn uống ở đâu thì hợp vệ sinh?</p> <p>+ Để giữ vệ sinh nguồn nước ta phải làm gì?</p> <p>GV giáo dục TTTcảm</p> <p>Đọc sách kết hợp bảng con</p> <p>GV đọc mẫu 1 lần</p> <p>GV Nhận xét cho điểm</p> <p>Luyện viết vở TV (3 phút)</p> <p>GV thu vở 5 em để chấm</p> <p>Nhận xét cách viết</p> <p><b>4.Củng cố :</b> Gọi đọc bài</p> <p><b>Trò chơi:</b></p> <p>Tìm vần tiếp sức:</p> <p>Giáo viên gọi học sinh chia thành 2 nhóm mỗi nhóm khoảng 6 em. Thi tìm tiếng có chứa vần vừa học.</p> <p><b>Cách chơi:</b></p> <p>Học sinh nhóm này nêu vần, học sinh nhóm kia nêu tiếng có chứa vần vừa học, trong thời gian nhất định nhóm nào nói được nhiều tiếng nhóm đó thắng cuộc.</p> <p>GV nhận xét trò chơi.</p> <p><b>5.Nhận xét, dặn dò:</b> Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>Lấy nước để ăn uống.</p> <p>Học sinh nêu theo yêu cầu.</p> <p>Giếng nhỏ hơn ao nhưng rất sâu ,nước trong dùng để lấy nước sinh hoạt ăn uống, ao nhỏ hơn hồ...</p> <p>Ao, hồ và giếng</p> <p>Ở giếng.</p> <p>Bảo vệ nguồn nước, không xả rác bừa bãi làm ô nhiễm nguồn nước..</p> <p>HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em.</p> <p>Học sinh lắng nghe.</p> <p>Toàn lớp</p> <p>CN 1 em</p> <p>Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 6 học sinh lên chơi trò chơi.</p> <p>Học sinh khác nhận xét.</p>
--	--



**Môn : Hát**  
**BÀI : ÔN ĐÀN GÀ CON**

**I. Mục tiêu :**

- HS biết hát đúng giai điệu và thuộc 2 lời ca bài hát: Đàn gà con
- Biết thực hiện các động tác phụ hoạ theo tiết tấu bài hát.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Nhạc cụ, tranh, trống, nhỏ ...
- GV thuộc bài hát.

**III. Các hoạt động dạy học :**

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>Kiểm tra</u> : Hỏi tên bài cũ Gọi HS hát trước lớp. Gọi HS nhận xét. GV nhận xét phần KTBC</p> <p>2. <u>Bài mới</u> : GT bài, ghi tựa.</p> <p><u>Hoạt động 1</u> : *Ôn bài hát “Đàn gà con” 2 lời của bài hát. Giáo viên hát mẫu. Gọi từng tổ Học sinh hát, nhóm hát. GV chú ý để sửa sai.</p> <p><u>Hoạt động 2</u> : Hát kết hợp phụ hoạ. Gọi HS hát kết hợp phụ hoạ. Gọi HS hát kết hợp vỗ tay. Gọi HS hát và gõ theo tiết tấu. Tổ chức cho học sinh biểu diễn bài hát. Thi đua giữa các tổ nhóm biểu diễn.</p> <p>4. <u>Củng cố</u> : Hỏi tên bài hát, tên tác của bài hát. HS hát lại bài hát vừa ôn. Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>5. <u>Dặn dò về nhà</u>:</p>	<p>HS nêu. 4 em lần lượt hát trước lớp. HS khác nhận xét bạn hát.</p> <p>Vài HS nhắc lại</p> <p>Học sinh lắng nghe. Học sinh hát.</p> <p>Lớp hát kết hợp múa. Lớp hát kết hợp vỗ tay. Lớp hát và gõ phách Hát thi giữa các tổ. Các tổ thi biểu diễn.</p> <p>Học sinh nêu. Lớp hát đồng thanh.</p>